



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.26.00001**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Kasa K99® Potassium Chloride  
**Số lượng/ khối lượng** : 960 bao/24.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : K+S Minerals and Agriculture GmbH. Germany  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP3S250015-R ngày 21/5/2025  
Hóa đơn số : 4610024194 ngày 06/10/2025  
Vận đơn số : ONEYHAMF81942500  
Ngày sản xuất : 18/9/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 9234/HQ-GDK-TTKN ngày 11/11/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250041371)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P.VIỆT NAM-CHI NHÁNH SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Phúc Túc, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 12 /QĐ-TTKN

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.26.00002**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : L-Threonine  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.360 bao/34.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologies Co., Ltd.  
(China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP1S250004 ngày 21/7/2025  
Hóa đơn số : DGF25T348 ngày 27/11/2025  
Vận đơn số : KMTCDLC1305804  
Ngày sản xuất : 08/11/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 10077/HQ-GDK-TTKN ngày 02/12/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250042873)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P.VIỆT NAM**  
**- CHI NHÁNH SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Phú Túc, tỉnh  
Vĩnh Long, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKH-CN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 12 /QĐ-TTKN

Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.26.00003**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : L-Threonine  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.360 bao/34.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologies Co., Ltd.  
(China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : VN-BTP1S250004 ngày 21/7/2025  
Hóa đơn số : DGF25T339 ngày 09/12/2025  
Vận đơn số : 721166311  
Ngày sản xuất : 07/11/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 10662/HQ-GDK-TTKN ngày 18/12/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043519)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P.VIỆT NAM**  
**- CHI NHÁNH SXKD THỨC ĂN THỦY SẢN**  
Địa chỉ: Lô A21-A35 KCN An Hiệp, xã Phú Túc, tỉnh  
Vĩnh Long, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 12 /QĐ-TTKN  
Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



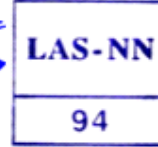
**Hà Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 19864/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 58672512958  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 27/12/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 27/12/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| L-Threonine<br>(BNNPTNT292500435<br>19) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                         | Chì (Pb) (**)                          | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | AOAC 986.15                     |
|                                         | Cadimi (Cd) (**)                       | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | AOAC 986.15                     |
|                                         | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                         | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                         | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 31/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



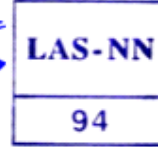
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 19863/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 58672512957  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 27/12/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 27/12/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| L-Threonine<br>(BNNPTNT292500428<br>73) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                         | Chì (Pb) (**)                          | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | AOAC 986.15                     |
|                                         | Cadimi (Cd) (**)                       | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | AOAC 986.15                     |
|                                         | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                         | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                         | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 31/12/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



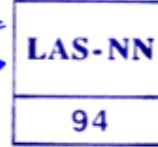
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 19862/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 58672512956  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 27/12/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 27/12/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                     | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| Kasa K99 Potassium<br>Chloride<br>(BNNPTNT292500413<br>71) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                            | Chì (Pb) (**)                          | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | AOAC 986.15                     |
|                                                            | Cadimi (Cd) (**)                       | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | AOAC 986.15                     |
|                                                            | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |

Cần Thơ, ngày/date: 31/12/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.